| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN LỤC NAM**<br>**TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2020
V/v ly hôn giữa bà S và ông H

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Công Định
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Chung
Ông Lê Ngọc Giới

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngọ Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 636/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1965 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.
- Bị đơn: Ông Phùng Đức H, sinh năm 1963 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn X, xã C, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 11/12/2019 cùng các lời khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị S trình bày như sau:* Bà kết hôn với ông Phùng Đức H ngày 24/06/1983 theo phong tục tập quán và hai bên không đăng ký kết hôn. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình ông H ở Thôn X, xã C, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Vợ chồng chung sống đến năm 2002 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông H hay uống rượu say và đánh, chửi, lăng mạ bà, cho dù mọi người đã khuyên răn nhưng ông H không sửa đổi. Đến 2006 vợ chồng bà sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được bà Nguyễn Thị S tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Đức H.

*Về con chung:* Bà Nguyễn Thị S không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Bà Nguyễn Thị S trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2020 bị đơn ông Phùng Đức H trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông xác nhận về thời điểm kết hôn và việc vợ chồng ông không đăng ký kết hôn như bà Huệ trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như bà Huệ trình bày là không đúng, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà Huệ không làm tròn nghĩa vụ của người vợ với ông. Từ năm 2014 đến nay hai bên đã ly thân và không có quan hệ tình cảm gì với nhau. Việc bà S trình bày ông đánh bà S là đúng. Lý do ông đánh bà S là do bà S có những lời lẽ không đúng với ông và bà S có quan hệ bất chính với người khác. Tuy nhiên, việc bà S có quan hệ với người khác ông chưa bắt gặp lần nào. Nay bà S làm đơn xin ly hôn ông xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân còn đạt được ông xin đoàn tụ. Nếu bà S kiên quyết xin ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Về con chung:* Ông Phùng Đức H không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Ông Phùng Đức H trình bày vợ chồng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Phùng Đức H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự bà S chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Phùng Đức H vắng mặt lần 2 không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Phùng Đức H.

Về con chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết

Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*:* Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phùng Đức H đã được Tòa án triệu tập và tống đạt các văn bản theo quy định của pháp luật.Tại phiên Tòa hôm nay ông Phùng Đức H vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục

chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị S kết hôn với ông Phùng Đức H ngày ngày 24/06/1983 theo phong tục tập quán và hai bên không đăng ký kết hôn. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 3 của Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội thì trường hợp chung sống như vợ chồng trước ngày 03/01/1987 không có đăng ký kết hôn thì được công nhận là hôn nhân hợp pháp từ thời điểm chung sống. Do đó hôn nhân giữa bà S và ông H được xác định là hôn nhân thực tế. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện đến với nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình ông H ở Thôn X, xã C, huyện LN, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2002 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn do ông H hay uống rượu và đánh bà S, vợ chồng không có chung tiếng nói trong cuộc sống. Đến 2006 giữa vợ chồng xảy ra xô sát vợ chồng cũng cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó. Phía bà S xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phùng Đức H. Phía ông H không đồng ý ly hôn vì cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông H cũng thừa nhận hiện vợ chồng ông đang sống ly thân. Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà S, HĐXX thấy: Qua kết quả xác minh với chính quyền địa phương và Ủy ban nhân dân xã Cẩm Lý xác nhận vợ chồng ông H, bà S trong cuộc sống có mâu thuẫn như bà S trình bày là đúng. Thực tế mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà S, ông H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn với ông Phùng Đức H.

[3] *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị S và ông Phùng Đức H không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Bà Nguyễn Thị S và ông Phùng Đức H đều không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm,thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị S, ông Phùng Đức H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử cho bà Nguyễn Thị S được ly hôn ông Phùng Đức H.

2. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị S phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004457 ngày 18/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Công Định**